

Số: 139/BC-BQLKKT

Kon Tum, ngày 30 tháng 6 năm 2016

## BÁO CÁO

### Tình hình xây dựng và phát triển các KCN, KKT 6 tháng đầu năm 2016

Kính gửi: Vụ quản lý các KKT, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Thực hiện Công văn số 4973/BKHĐT-QLKKT, ngày 27/6/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc báo cáo về tình hình xây dựng và phát triển các KCN, KKT 6 tháng đầu năm 2016. Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Kon Tum báo cáo như sau:

#### I. Kết quả tình hình xây dựng phát triển các KCN, KKT 6 tháng đầu năm 2016:

**1. Tình hình thành lập, mở rộng và quy hoạch phát triển các KCN, KKT; tình hình lập, phê duyệt và triển khai quy hoạch chung; quy hoạch các khu chức năng trong Khu kinh tế**

##### 1.1. Quy hoạch phát triển các KCN.

**- KCN Hòa Bình: 130 ha**

+ KCN Hòa Bình giai đoạn I (diện tích 59,22 ha) đã được đầu tư hoàn thiện và lấp đầy 100% diện tích đất công nghiệp. Quyết định thành lập KCN với quy mô diện tích 130 ha (tại QĐ số 14/QĐ-UBND ngày 12/01/2015).

+ KCN Hòa Bình giai đoạn II (70,38 ha): Hiện đang triển khai các thủ tục đầu tư dự án để kêu gọi đầu tư vào KCN.

**- KCN sao Mai (diện tích 150 ha):** nguồn nước cấp cho KCN lấy từ đập thủy lợi Đăk Yêu nay xác định lại do biến đổi khí hậu không còn đủ khả năng cấp nước cho KCN do vậy UBND tỉnh Kon Tum có chủ trương tạm dừng đầu tư hạ tầng KCN để đề xuất chuyển đầu tư vị trí khác.

**- KCN Đăk Tô (diện tích 150 ha):** Nằm trong danh mục các khu công nghiệp Việt Nam. Hiện nay, Công ty cổ phần Tập đoàn Tân Mai đang triển khai lập thủ tục đầu tư KCN và xây dựng nhà máy giấy và bột giấy<sup>(1)</sup>.

##### 1.2. Quy hoạch KKT cửa khẩu quốc tế Bờ Y:

Thủ tướng Chính phủ đã thống nhất chủ trương điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng KKTCK quốc tế Bờ Y<sup>(2)</sup>. BQLKKT đang triển khai các

<sup>(1)</sup> Theo ý kiến chỉ đạo của Chính phủ tại Công văn số 10/TTg-KTN ngày 02 tháng 01 năm 2009 và Ủy ban nhân dân tỉnh tại Thông báo số 48/TB-UBND ngày 23 tháng 02 năm 2009.

thủ tục điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng KKTCK quốc tế Bờ Y theo chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và UBND tỉnh: giảm qui mô diện tích Khu kinh tế còn khoảng 15.000 ha<sup>(3)</sup>.

Đến nay (30/6/2016) đã lập và hoàn thành phê duyệt: 07 đồ án quy hoạch phân khu tỉ lệ 1/2000, diện tích 5.494 ha (7,8% tổng diện tích KKTCK); 07 đồ án quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500, diện tích 2.188 ha (3,1% tổng diện tích KKTCK); 01 đồ án quy hoạch chung tỉ lệ 1/5000 KCN Bờ Y, diện tích 1.565 ha (2,2% tổng diện tích KKTCK)<sup>4</sup>; Hoàn thành đề án khai thác du lịch tại cột mốc quốc giới chung ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia<sup>(5)</sup> và đang hoàn chỉnh quy hoạch chi tiết 1/2000 KCN Bờ Y, diện tích 794 và tiếp tục đề xuất quy hoạch các khu chức năng<sup>6</sup>

## 2. Triển khai đầu tư cơ sở hạ tầng KCN, KKT:

### 2.1. Tình hình đầu tư hạ tầng KKTCK quốc tế Bờ Y.

- Năm 2016, Ban quản lý Khu kinh tế được giao vốn từ Ngân sách Nhà nước để đầu tư hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y là: 41,009 tỷ đồng<sup>7</sup>. Trong đó:

+ Thanh toán nợ đọng XDCB: 6,378 tỷ đồng (đã thanh toán cho dự án đường NT 18)

+ Chờ xử lý: 34,391 tỷ đồng<sup>8</sup>.

+ Vốn năm trước chuyển sang: 0,24 tỷ đồng.

- Theo kế hoạch vốn được giao nói trên thì năm 2016 toàn bộ số vốn được giao chỉ để trả nợ đọng và thu hồi vốn ứng trước NSTW, không có đầu tư mới, rất khó khăn cho việc xây dựng phát triển và thu hút đầu tư vào khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y.

+ Lũy kế giải ngân từ đầu năm đến 30/6/2016: 6,378 tỷ đồng

+ Vốn chưa giải ngân đến 30/6/2016: 34,631 tỷ đồng.

- Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020 dự kiến 341 tỷ đồng, đáp ứng các qui định theo Luật đầu tư công, nhưng chưa được cấp có thẩm quyền cho phép triển khai do còn các khoản nợ đọng chưa được giải quyết<sup>(9)</sup>.

<sup>(1)</sup> Văn bản 8857/VPCP-KTN, ngày 13/12/2011 của Văn phòng Chính phủ..

<sup>(2)</sup> Thông báo 750-TB/TU ngày 9/10/2014 của tỉnh ủy; Văn bản số 2728/UBND-KTTH ngày 21/10/2014 của UBND tỉnh; Văn bản số 443/UBND-KTN ngày 07/02/2016 của UBND tỉnh

<sup>4</sup> Đã phê duyệt QH: Đô thị Bắc Bờ Y: 1/2000 (1.444 ha); Đô thị Nam Bờ Y: 1/2000 (970 ha); Đô thị Tây Bờ Y: 1/2000 (1.200 ha), QH 1/500 (546 ha); Khu trung tâm hành chính: 1/500 (450ha); Khu trung tâm thương mại quốc tế Bờ Y QH 1/2000; Khu I (251 ha), Khu II, III (930ha): QH 1/2000 và 1/500; QH chung KCN tập trung, 1/5000 (1.566 ha)

<sup>(5)</sup> Đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1240/QĐ-UBND, ngày 28/12/2012

<sup>(6)</sup> Chưa thực hiện: Đô thị Đông Bờ Y, 1/2000; quy hoạch KCN tại đô thị phía Bắc Bờ Y (217ha), KCN tại đô thị phía Nam Bờ Y (278 ha); Đang trình duyệt QHCT khu công nghiệp Bờ Y, 1/2000 (794ha).

<sup>7</sup> Quyết định 38/QĐ-UBND ngày 18/01/2016 của UBND tỉnh về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước thuộc các chương trình mục tiêu và nguồn vốn nước ngoài năm 2016; Quyết định số 599/QĐ-UBND ngày 07/6/2016 của UBND tỉnh Kon Tum về việc giao kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước năm 2016 (đợt 2)

<sup>8</sup> Thông báo 25/TB-SKHĐT ngày 10/6/2016 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước năm 2016 (đợt 2); văn bản số 1554/STC-ĐT ngày 27/6/2016 của Sở Tài chính về việc triển khai thực hiện thu hồi kế hoạch vốn ứng trước.

## **2.2. Tình hình đầu tư xây dựng hạ tầng KCN Hòa Bình:**

- Hiện nay, BQLKKT đang triển khai đầu tư hoàn thiện hạ tầng KCN Hòa Bình giai đoạn I theo kế hoạch vốn đã được NSTW bố trí năm 2016. Triển khai các thủ tục để đầu tư hạ tầng KCN Hòa Bình giai đoạn II; nguồn vốn đầu tư do NSTW hỗ trợ đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Tài chính thẩm định nguồn vốn kế hoạch trung hạn 2016 - 2020.

- Kế hoạch vốn đầu tư hạ tầng KCN Hòa Bình được giao năm 2016 (giai đoạn I + II): 25,312 tỷ đồng (*gồm giao đầu năm: 10 tỷ đồng; KH năm trước chuyển sang: 13,46 tỷ đồng; nguồn thu cho thuê lại quyền sử dụng đất gắn với sử dụng hạ tầng kỹ thuật KCN Hòa Bình: 1,852 tỷ đồng*).

- Lũy kế giải ngân từ đầu năm đến hết tháng 6/2016: 0,0046 tỷ đồng.

- Vốn chưa giải ngân đến tháng 06/2016: 25,307 tỷ đồng.

## **2.3. Tình hình đầu tư xây dựng KCN Đắk Tô:**

Toàn bộ diện tích đất theo quy hoạch 150 ha được giao cho Công ty CP Tập đoàn Tân Mai để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà máy bột giấy và giấy (*theo Công văn số 10/TTg-KTN ngày 02/01/2009 của Thủ tướng Chính phủ*). Theo báo cáo của Công ty Tân Mai, diện tích đất đã thực hiện đầu tư dự án là 57,76 ha, gồm các hạng mục: Rà phá bom mìn, san lấp mặt bằng, hệ thống điện... và một số hạng mục còn dở dang như: Nhà văn phòng, hệ thống thoát nước mặt, kho bãi, tường rào, một tuyến giao thông nội bộ, tỷ lệ hoàn thành khoảng 50% công trình. Các hạng mục đầu tư chính của dự án như: nhà máy, thiết bị chưa đầu tư. Hiện nay Công ty đang lập thủ tục xin đầu tư hạ tầng KCN này.

## **2.4. Tình hình thanh toán nợ ứng trước NSTW:**

- Trong 6 tháng đầu năm 2016 không phát sinh nợ ứng mới.

- Lũy kế nợ ứng trước ngân sách Trung ương chưa hoàn ứng đến 30/6/2016: 639.049 triệu đồng (*gồm 02 dự án: Đường NT18 là 409.284 triệu đồng và Đường N5 là 229.765 triệu đồng*).

- Kế hoạch 2016 bố trí để thu hồi các khoản tạm ứng trước NSTW: 34,391 tỷ đồng<sup>10</sup>. UBND tỉnh Kon Tum đang đề nghị Bộ KH và ĐT, Thủ tướng Chính phủ xem xét chưa thu hồi đối với vốn bố trí kế hoạch 2016 nêu trên.

## **3. Tình hình thu hút đầu tư nước ngoài và đầu tư trong nước; tình hình hiện vốn đầu tư; tình hình cho thuê lại đất trong KCN, KKTCK.**

**3.1. Thu hút đầu tư nước ngoài :** Tại các KCN, KKT cửa khẩu quốc tế Bờ Y đến nay chưa có dự án nước ngoài đăng ký đầu tư.

### **3.2. Thu hút đầu tư trong nước.**

<sup>(7)</sup> Văn bản số 9697/BKHĐT-KTĐV ngày 30/10/2015 của Bộ KHĐT về việc thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án đầu tư cơ sở hạ tầng KKTCK quốc tế Bờ Y;

<sup>10</sup> Thông báo 25/TB-SKHĐT ngày 10/6/2016 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước năm 2016 (đợt 2); văn bản số 1554/STC-ĐT ngày 27/6/2016 của Sở Tài chính về việc triển khai thực hiện thu hồi kế hoạch vốn ứng trước.

### 3.2.1. Tại KCN Hoà Bình:

- Trong 6 tháng đầu năm 2016: Cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho 03 dự án<sup>(11)</sup>, vốn đầu tư đăng ký 88,46 tỷ đồng với diện tích 1,8 ha

- Lũy kế đến thời điểm hiện nay, tại KCN này đã có 29 dự án đầu tư, vốn đăng ký 474.658 tỷ đồng; vốn thực hiện 256,441 tỷ đồng. Trong đó 21 dự án đang hoạt động; vốn đăng ký 364 tỷ đồng; vốn thực hiện 255,441 tỷ đồng; 08 dự án đang triển khai; vốn đăng ký 109,8 tỷ đồng, vốn thực hiện 1 tỷ đồng. Diện tích đất sử dụng 47.82ha; lao động 1.244 người; doanh thu 6 tháng đầu năm 2016 đạt 13,851 triệu USD; nộp NSNN 5,1 tỷ đồng.

### 3.2.2. Tại KKT cửa khẩu quốc tế Bờ Y.

- Trong 6 tháng năm 2016: Đã cấp chứng nhận đầu tư cho 05 dự án<sup>(12)</sup>, vốn đăng ký 266,204 tỷ đồng với diện tích 24,3 ha.

- Lũy kế đến thời điểm hiện nay, tại Khu KTCK Quốc tế Bờ Y có tổng số 44 dự án đăng ký đầu tư lĩnh vực SXKD vốn đăng ký: 1.172 tỷ đồng; vốn thực hiện: 530 tỷ đồng. Trong đó: 27 dự án đang hoạt động sản xuất kinh doanh, vốn đăng ký 500,7 tỷ đồng, vốn thực hiện 483,4 tỷ đồng; 09 dự án đang xây dựng cơ bản, vốn đăng ký 570,3 tỷ đồng; vốn thực hiện 41,5 tỷ đồng; dự án đã được giới thiệu đất, chuẩn bị triển khai thực hiện dự án đầu tư 8 dự án, vốn đăng ký 100,5 tỷ đồng.

## 4. Công tác bảo vệ môi trường trong KCN, KKT:

- Tại KCN Hoà Bình (giai đoạn I): Đã được đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải tập trung, đáp ứng nhu cầu về xử lý nước thải cho các doanh nghiệp hoạt động trong KCN với công suất 500m<sup>3</sup>/ngày,đêm.

- Tại KKTCK các dự án chấp hành tốt kế hoạch cam kết bảo vệ môi trường đã đăng ký và xác nhận của cơ quan có thẩm quyền.

## 5. Các hoạt động xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh, quá cảnh qua lại cửa khẩu quốc tế Bờ Y trong năm 2015 đạt được như sau:

- Các hoạt động tại cửa khẩu quốc tế Bờ Y được tổ chức quản lý theo Quyết định số 45/2013/QĐ-TTg ngày 25/7/2013 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế điều hành hoạt động tại các cửa khẩu biên giới đất liền.

- Ban quản lý cửa khẩu quốc tế Bờ Y đã được UBND tỉnh quyết định thành lập; chức năng, nhiệm vụ quyền hạn, cơ cấu tổ chức và bộ máy của Ban quản lý cửa khẩu đã được qui định rõ ràng và đã tổ chức quản lý các hoạt động tại cửa khẩu có hiệu quả.

<sup>11</sup> DA Nhà máy sản xuất bê tông thương phẩm cho Công ty TNHH NBB Kon Tum. Vốn đăng ký 27.082 tỷ đồng; Công ty TNHH Chiến Thắng I dự án S Bê tông thương phẩm, vốn đăng kí 88 tỷ; Công ty TNHH Công nghệ hữu cơ An Thái, dự án nhà máy sản xuất phân bón, vốn đăng ký 8.5 tỷ

<sup>12</sup> - DA Xây dựng khu dân cư mới cho Công ty SX TM Năng Bình Minh. Vốn đăng ký 180,1 tỷ đồng

- DA Trung tâm thương mại Hồng Khuyển. Vốn đăng ký 14,88 tỷ đồng

- DA xây dựng văn phòng làm việc trưng bày sản phẩm cho Công ty Hải Dương Bờ Y. Vốn đăng ký 5,06 tỷ đồng

- DA Đầu tư xây dựng kinh doanh thương mại và Dịch vụ cửa khẩu quốc tế Bờ Y cho Công ty TNHH Nhân Thành -10 B. Vốn đăng ký 66,1 tỷ đồng.

- DA Nhà máy sản xuất gạch không nung cho HTX Vạn Thành, vốn đăng ký 7,305 tỷ đồng

- Ban quản lý cửa khẩu quốc tế Bờ Y và cửa khẩu quốc tế Phu Cừ đã thống nhất duy trì thời gian làm việc hàng ngày liên tục từ 07 giờ 00 phút đến 19 giờ 30 phút, kể cả ngày thứ Bảy, Chủ Nhật và ngày lễ để giải quyết các thủ tục thông quan cho hàng hóa XNK qua cửa khẩu. Ngoài ra, sẽ giải quyết các trường hợp đặc biệt vào bất cứ giờ nào.

- Trong 6 tháng đầu năm 2016 (từ 01/01/2016 đến 15/6/2016): Giá trị kim ngạch XNK đạt 86,836 triệu USD; hành khách xuất, nhập cảnh đạt 173.030 lượt người; phương tiện XNC đạt 18.3391 lượt; tổng thu ngân sách đạt: 48,83 tỷ đồng.

## **II. Những tồn tại, khó khăn:**

- Hạ tầng KKTCK chưa được đầu tư đồng bộ; hạ tầng KCN tập trung, Khu Thương mại, các khu chức năng chính trong KKTCK chưa được đầu tư; chưa có vốn tạo quỹ đất sạch để cho nhà đầu tư thuê. Công tác bồi thường GPMB, thu hồi đất để giao cho nhà đầu tư gặp nhiều khó khăn; nhà đầu tư phải tự bỏ vốn để thực hiện công tác bồi thường GPMB theo hình thức tự thỏa thuận với dân, rất khó thực hiện. Việc phân cấp, ủy quyền cho Ban quản lý Khu kinh tế thực hiện một số nhiệm vụ thuộc phạm vi, lĩnh vực phân cấp, ủy quyền theo quy định chưa được triển khai triệt để.

- Năm 2016, Ban quản lý Khu kinh tế được giao vốn từ Ngân sách Nhà nước để đầu tư hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y là: 40,769 tỷ đồng<sup>13</sup>. Trong đó:

+ Thanh toán nợ đọng XDCB: 6,378 tỷ đồng (*đã thanh toán cho dự án đường NT 18*)

+ Chờ xử lý 34,391 tỷ đồng<sup>14</sup>.

Theo kế hoạch vốn được giao nói trên thì năm 2016 toàn bộ số vốn được giao chỉ để trả nợ, không có đầu tư mới, sẽ rất khó khăn cho việc xây dựng phát triển và thu hút đầu tư vào khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y.

Về đề nghị xử lý vốn ứng trước Ngân sách Trung ương tại khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y, UBND tỉnh đã có văn bản số 451/UBND-KTTH ngày 08/03/2016 gửi Thủ tướng Chính phủ, tuy nhiên đến nay vẫn chưa được xem xét.

## **III. Một số giải pháp đầu tư xây dựng phát triển KCN, KKT 6 tháng cuối năm 2016.**

### **1. Về quy hoạch.**

<sup>13</sup> Quyết định 38/QĐ-UBND ngày 18/01/2016 của UBND tỉnh về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước thuộc các chương trình mục tiêu và nguồn vốn nước ngoài năm 2016; Quyết định số 599/QĐ-UBND ngày 07/6/2016 của UBND tỉnh Kon Tum về việc giao kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước năm 2016 (đợt 2)

<sup>14</sup> Thông báo 25/TB-SKHĐT ngày 10/6/2016 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước năm 2016 (đợt 2); văn bản số 1554/STC-ĐT ngày 27/6/2016 của Sở Tài chính về việc triển khai thực hiện thu hồi kế hoạch vốn ứng trước.

Tập trung hoàn thành các đồ án quy hoạch chi tiết để kêu gọi đầu tư; điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng KKTCK quốc tế Bờ Y theo chủ trương của Thủ tướng Chính phủ và chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh Kon Tum.

## **2. Về đầu tư hạ tầng các KCN, KKT cửa khẩu:**

- Hạ tầng các KCN: Đầu tư hoàn thiện các hạng mục đã được bố trí vốn của hạ tầng KCN Hoà Bình giai đoạn I; sớm triển khai thực hiện dự án đầu tư hạ tầng giai đoạn II.

- Hạ tầng KKT cửa khẩu: Ngoài vốn NSNN được bố trí kế hoạch 2016; lập danh mục các dự án đầu tư hạ tầng KKT sử dụng quỹ đất để tập trung đẩy nhanh tiến độ đầu tư hoàn thiện hạ tầng các Khu trung tâm KKTCK để kêu gọi đầu tư vào KKT.

## **3. Về xúc tiến thu hút đầu tư:**

- Tiếp tục rà soát và xây dựng thông tin chi tiết danh mục các dự án kêu gọi đầu tư; tăng cường hoạt động quảng bá giới thiệu thu hút đầu tư vào KCN, KKT. Tham gia tích cực các Chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia.

- Tiếp tục củng cố bộ phận hỗ trợ đầu tư; tập trung tháo gỡ khó khăn hỗ trợ tốt nhất cho doanh nghiệp trong quá trình đăng ký, triển khai dự án đầu tư vào KCN, KKTCK.

## **IV. KIẾN NGHỊ.**

Để tạo điều kiện cho Tỉnh Kon Tum trong đầu tư xây dựng phát triển KKT cửa khẩu quốc tế Bờ Y tương xứng với vị trí và tiềm năng trong điều kiện ngân sách địa phương còn nhiều khó khăn. Ban quản lý Khu kinh tế kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nội dung sau:

1. Chưa thực hiện thu hồi đối với vốn ngân sách nhà nước đã bố trí kế hoạch năm 2016 (*đợt 2: 34,391 tỷ đồng*) để tạo điều kiện cho Ban quản lý Khu kinh tế thực hiện các dự án đầu tư hạ tầng Khu kinh tế theo Kế hoạch đầu tư công năm 2016;

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét xử lý bố trí vốn để thu hồi dứt điểm hoặc chưa thu hồi số vốn đã ứng trước ngân sách Trung ương nêu trên (**639.049 triệu đồng**), nhằm đảm bảo kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 đã được thẩm định nguồn được đầu tư để xây dựng khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y phát triển theo quy hoạch được duyệt.

Trường hợp không được xử lý dứt điểm khoản ứng ngân sách nói trên mà thực hiện thu dần vào kế hoạch giao vốn hàng năm thì kế hoạch đầu tư công từ ngân sách trung ương tại khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y (*khu kinh tế*) năm 2016 không triển khai được; đồng thời từ năm 2017 và các năm tiếp theo sẽ không có cơ sở để xây dựng kế hoạch đầu tư công cho khu kinh tế. Hạ tầng kỹ thuật khu kinh tế sẽ khó khăn, hạn chế thu hút đầu tư, phát triển khu kinh tế.

2. Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y là một trong 26 khu kinh tế cửa khẩu biên giới đất liền trong cả nước có đặc thù riêng đó là tiếp giáp với biên giới hai nước Lào và Campuchia. Với vị trí có tính chiến lược trong phát triển kinh tế và quan trọng về quốc phòng an ninh. Hiện nay, quan hệ hợp tác đầu tư phát triển kinh tế và buôn bán thương mại giữa các tỉnh Nam Lào, Đông Bắc Thái Lan và Myanmar với Việt Nam qua Cửa khẩu quốc tế Bờ Y đang có xu hướng phát triển tăng mạnh. Do đó đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét đưa Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y vào danh sách các Khu kinh tế cửa khẩu trọng điểm để tập trung đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Trên đây là nội dung báo cáo tình hình xây dựng phát triển các khu công nghiệp và KKT cửa khẩu 6 tháng đầu năm 2016, Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Kon Tum báo cáo Vụ quản lý các KKT, Bộ Kế hoạch và Đầu tư./.

**Nơi nhận :**

- Như trên;
- Sở KHĐT (t/đổi)
- Lưu: VT, KHTH.



**19** **TRƯỞNG BAN**  
**PHO TRƯỞNG BAN**



*Handwritten signature in blue ink*

**VŨ MẠNH HẢI**



**Biểu I.1. Tổng hợp tình hình xây dựng và phát triển KCN 6 tháng đầu năm 2016**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2016
<b>I. Thành lập KCN</b>		
Số KCN được cấp QĐ chủ trương đầu tư/GCNĐKĐT/GCNĐT trong 6 tháng đầu năm 2016		0
Diện tích thành lập mới	ha	0
Số KCN được mở rộng 6 tháng năm 2016		0
Diện tích mở rộng	ha	0
<b>Lũy kế đến cuối tháng 6 năm 2016</b>		
Tổng số KCN đã được cấp QĐ chủ trương đầu tư/GCNĐKĐT/GCNĐT		1
trong đó, số KCN đang vận hành		1
Tổng diện tích đất tự nhiên	ha	59,22
Tổng diện tích đất công nghiệp có thể cho thuê	ha	48,84
Tổng diện tích đất công nghiệp đã cho thuê	ha	48,84
<b>II. Đầu tư nước ngoài trong KCN</b>		
1/Tình hình cấp mới các dự án trong 6 tháng đầu năm		
Số dự án cấp mới	dự án	0
Tổng vốn đầu tư đăng ký	tr. USD	0
2/Tình hình tăng vốn 6 tháng		
Số dự án tăng vốn	dự án	0
Tổng vốn tăng	tr. USD	0
3/Tình hình thu hồi dự án/chấm dứt hoạt động trong 6 tháng		
Số dự án thu hồi	dự án	0
Tổng vốn thu hồi	tr. USD	0
4/ Tổng vốn tăng thêm 6 tháng đầu năm 2016 (1+2-3)		
	tr. USD	0
5/ Lũy kế đến cuối tháng 6/2016		
Tổng số dự án	dự án	0
Tổng vốn đầu tư đăng ký	tr. USD	0
Tổng vốn đầu tư thực hiện	tr. USD	0
<b>III. Đầu tư trong nước trong KCN</b>		
1/Tình hình cấp mới QĐ chủ trương đầu tư/GCNĐKĐT/GCNĐT trong 6 tháng		
Số dự án cấp mới	dự án	3



Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm năm 2016
Tổng vốn đầu tư đăng ký	tỷ đồng	88,46
2/Tình hình tăng vốn 6 tháng		0
Số dự án tăng vốn	dự án	0
Tổng vốn tăng	tỷ đồng	0
3/Tình hình thu hồi dự án/chấm dứt hoạt động trong 6 tháng		0
Số dự án thu hồi	dự án	0
Tổng vốn thu hồi	tỷ đồng	0
4/ Tổng vốn tăng thêm 6 tháng đầu năm 2016 (1+2-3)	tỷ đồng	88,46
5/ Lũy kế đến cuối tháng 6/2016		
Tổng số dự án	dự án	29
Tổng vốn đầu tư đăng ký	tỷ đồng	474,658
Tổng vốn đầu tư thực hiện	tỷ đồng	256,441
<b>IV. Tình hình sản xuất kinh doanh trong 6 tháng</b>		
Giá trị sản xuất công nghiệp	tr. USD	5,631
Doanh thu	tr. USD	13,851
Giá trị nhập khẩu	tr. USD	0
Giá trị xuất khẩu	tr. USD	2,446
Nợ ngân sách	tỷ đồng	5,143
<b>V. Lao động</b>		
Tổng số lao động	người	1244
Nam	người	482
Nữ	người	762
Trong nước	người	1244
Nước ngoài	người	0

Tỷ giá bình quân 6 tháng đầu năm 2016: 22.101 VNĐ/1 USD

**Biểu I.2. Tình hình hoạt động của các Khu công nghiệp đến tháng 6 năm 2016 (Số liệu lũy kế)**

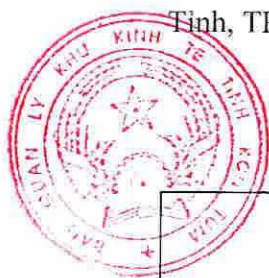
STT	Tên KCN	Địa điểm	Năm thành lập	Quốc tịch chủ đầu tư (*)	Tên chủ đầu tư xây dựng CSHT	Vốn đầu tư (tỷ đồng)			Vốn đầu tư nước ngoài (trừ USD)			Đầu tư trong nước (đơn vị: triệu đồng)			Đầu tư nước ngoài (đơn vị: triệu USD)			Diện tích (ha)			Công trình xử lý nước thải tập trung			Lao động (người)							
						Vốn đầu tư thực đăng ký	Vốn đầu tư thực đăng ký	Vốn đầu tư thực đăng ký	Tổng số đầu tư thực đăng ký	Tổng số đầu tư thực đăng ký	Tổng số đầu tư thực đăng ký	Tổng số đầu tư thực đăng ký	Tổng số đầu tư thực đăng ký	Tổng số đầu tư thực đăng ký	Tổng số đầu tư thực đăng ký	Tổng số đầu tư thực đăng ký	Tổng số đầu tư thực đăng ký	Tổng số đầu tư thực đăng ký	Tổng số đầu tư thực đăng ký	Tổng số đầu tư thực đăng ký	Tổng số đầu tư thực đăng ký	Tổng số đầu tư thực đăng ký	Tổng số đầu tư thực đăng ký	Tổng số đầu tư thực đăng ký	Tổng số đầu tư thực đăng ký	Tổng số đầu tư thực đăng ký	Tổng số đầu tư thực đăng ký	Tổng số đầu tư thực đăng ký	Tổng số đầu tư thực đăng ký	Tổng số đầu tư thực đăng ký	
I	KCN đã cấp QĐ chủ trương đầu tư/GCNBKDT/GCNĐT và đang vận hành					7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	
1	KCN Hòa Bình (Khu kinh tế mới) - Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hòa Bình (Hòa Bình) - Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hòa Bình (Hòa Bình) - Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hòa Bình (Hòa Bình)	P. Trần Hưng Đạo, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum	2005	Việt Nam	Viet Nam Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hòa Bình	64,36	51								29	474,638	21	8	256,411	59,22	38,84	48,84	100,0	2,0	390,0	124,0	482,0	762,0	0,0	0	
	<b>Tổng KCN đang vận hành (I)</b>			I		64,36	51							29																	
II	KCN đã cấp QĐ chủ trương đầu tư/GCNBKDT/GCNĐT và đang xây dựng cơ bản																														
1	KCN Sào Mài (Khu kinh tế mới) - Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sào Mài (Sào Mài) - Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sào Mài (Sào Mài)	Thôn 8, xã Hòa Bình, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum	2005	Viet Nam	Đã chuyển giao Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Mai																										
	<b>Tổng KCN đang xây dựng cơ bản (II)</b>																														
III	KCN chưa thành lập và đang XD CB																														
	<b>Tổng KCN đang XD CB (III)</b>					2938	559								29	475	21	8	256	209											
	<b>Tổng KCN trên địa bàn (I+II+III)</b>			3		3002	610								29	475	21	8	256	209											

**Ghi chú:**

\* Chi "Việt Nam" nếu chủ đầu tư hệ tăng là doanh nghiệp Việt Nam; ghi tên quốc gia của chủ đầu tư nếu chủ đầu tư nếu chủ đầu tư 100% vốn nước ngoài; đối với chủ đầu tư là doanh nghiệp liên doanh; ghi "Việt Nam" và tên quốc gia của đối tác nước ngoài.  
 \*\* Vốn đầu tư CSHT của KCN: ghi trong phần "trị giá USD" nếu là dự án có vốn đầu tư nước ngoài; phần "tỷ đồng" nếu dự án 100% vốn Việt Nam.  
 \*\*\* Tỷ lệ lắp đặt = diện tích đã cho thuê/điện tích đất CN có thể cho thuê (%)







Tỉnh, TP: BQL khu kinh tế tỉnh Kon Tum

**Biểu II.1. Tổng hợp tình hình xây dựng và phát triển KKT cửa khẩu  
trong 6 tháng năm 2016**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng 2016
1	2	3
<b>A. Các dự án đầu tư sản xuất kinh doanh trong KKT</b>		
<b>A.I. Đầu tư nước ngoài</b>		
1/Tình hình cấp mới dự án trong 6 tháng		0
Số dự án	dự án	0
Tổng vốn đầu tư đăng ký	tr. USD	0
2/Tình hình tăng vốn 6 tháng		
Số dự án	dự án	0
Tổng vốn tăng	tr. USD	0
3/Tình hình thu hồi dự án/chấm dứt hoạt động trong 6 tháng		
Số dự án thu hồi	dự án	0
Tổng vốn thu hồi	tr. USD	0
4/ Tổng vốn tăng thêm 6 tháng năm 2016 (1+2-3)	tr. USD	0
5/ Lũy kế đến cuối tháng 6/2016		
Tổng số dự án	dự án	0
Tổng vốn đầu tư đăng ký	tr. USD	0
Tổng vốn đầu tư thực hiện	tr. USD	0
<b>A.II. Đầu tư trong nước</b>		
1/Tình hình cấp mới GCNĐKĐT 6 tháng		
Số dự án	dự án	5
Tổng vốn đầu tư đăng ký	tỷ đồng	86,104
2/Tình hình tăng vốn 6 tháng		
Số dự án	dự án	5
Tổng vốn tăng	tỷ đồng	86,104
3/Tình hình thu hồi dự án/chấm dứt hoạt động trong 6 tháng		
Số dự án thu hồi	dự án	0
Tổng vốn thu hồi	tỷ đồng	0
4/ Tổng vốn tăng thêm 6 tháng đầu năm 2016 (1+2-3)	tỷ đồng	86,104
5/ Lũy kế đến cuối tháng 6/2016		
Tổng số dự án	dự án	46
Tổng vốn đầu tư đăng ký	tỷ đồng	1281,90
Tổng vốn đầu tư thực hiện	tỷ đồng	570,00
<b>B. Các dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật, xã hội trong KKT</b>		
<b>B.I. Đầu tư nước ngoài</b>		
1/Tình hình cấp mới 6 tháng		
Số dự án	dự án	0
Tổng vốn đầu tư đăng ký	tr. USD	0
2/Tình hình tăng vốn 6 tháng		



Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng 2016
1	2	3
Số dự án	dự án	0
Tổng vốn tăng	tr. USD	0
<b>3/Tình hình thu hồi dự án/chấm dứt hoạt động trong 6 tháng</b>		
Số dự án thu hồi	dự án	0
Tổng vốn thu hồi	tr. USD	0
<b>4/ Tổng vốn tăng thêm 6 tháng đầu năm 2016 (1+2-3)</b>		
	tr. USD	0
<b>5/ Lũy kế đến cuối tháng 6/2016</b>		
Tổng số dự án	dự án	0
Tổng vốn đầu tư đăng ký	tr. USD	0
Tổng vốn đầu tư thực hiện	tr. USD	0
<b>B.II. Đầu tư trong nước</b>		
<b>1/Tình hình cấp mới dự án trong 6 tháng</b>		
Số dự án	dự án	0
Tổng vốn đầu tư đăng ký	tỷ đồng	0
<b>2/Tình hình tăng vốn 6 tháng</b>		
Số dự án	dự án	0
Tổng vốn tăng	tỷ đồng	0
<b>3/Tình hình thu hồi dự án/chấm dứt hoạt động trong 6 tháng</b>		
Số dự án thu hồi	dự án	0
Tổng vốn thu hồi	tỷ đồng	0
<b>4/ Tổng vốn tăng thêm 6 tháng đầu năm 2016 (1+2-3)</b>		
	tỷ đồng	0
<b>5/ Lũy kế đến cuối tháng 6/2016</b>		
Tổng số dự án	dự án	0
Tổng vốn đầu tư đăng ký	tỷ đồng	0
Tổng vốn đầu tư thực hiện	tỷ đồng	0
<b>C. Tình hình sản xuất kinh doanh trong 6 tháng</b>		
Giá trị sản xuất công nghiệp	tr. USD	9,73
Doanh thu	tr. USD	10,01
Giá trị nhập khẩu	tr. USD	0
Giá trị xuất khẩu	tr. USD	4
Nợ ngân sách	tỷ đồng	15,206
<b>D. Lao động</b>		
Tổng số lao động	người	304
Nam	người	243
Nữ	người	61
Trong nước	người	304
Nước ngoài	người	0

Tỷ giá bình quân 6 tháng đầu năm 2016: 22.101 VNĐ/1 USD



**Biểu II.2. Tình hình thu hút dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng trong KKT cửa khẩu kể đến tháng 6/2016**

ST T	Tên dự án/khu	Địa điểm	Năm cấp QĐ chủ trương đầu tư/GCNDK ĐT/ GCNDT thành lập	Quốc tịch chủ đầu tư (*)	Tên chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh KCHT	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng (**)			Lao động (người)						
						Chủ đầu tư trong nước (tỷ đồng)		Diện tích chiếm đất (ha)	Tổng số	Giới tính		Quốc tịch			
						Vốn đầu tư đăng ký	Vốn đầu tư thực hiện			Nam	Nữ		Trong nước	Nước ngoài	
1		3	4	5	6	7	8	9	10	13	14	15	16	17	18
<b>Tổng số</b>															

**Ghi chú:**

\* Ghi "Việt Nam" nếu chủ đầu tư hạ tầng là doanh nghiệp Việt Nam; ghi tên quốc gia của chủ đầu tư nếu chủ đầu tư 100% vốn nước ngoài; đối với chủ đầu tư là doanh nghiệp liên doanh: ghi "Việt Nam" và tên quốc gia của đối tác nước ngoài.

\*\* Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật và xã hội trong KKT bao gồm: KCN, KCX, khu phi thuế quan, khu thương mại tự do, khu bảo thuế, khu đô thị, khu xử lý chất thải và nước thải tập trung; các công trình hạ tầng giao thông, cấp điện, cấp nước,...

Vốn đầu tư của dự án hạ tầng trong KKT; ghi trong phần "triệu USD" nếu là dự án có vốn đầu tư nước ngoài; phần "tỷ đồng" nếu dự án 100% vốn Việt Nam.  
Riêng KCN, KCX, khu phi thuế quan, khu thương mại tự do, khu bảo thuế đề nghị báo cáo thêm thông tin tại Biểu II.3.

Tỉnh, thành phố Kon Tum  
Khu kinh tế cửa khẩu Bờ Y

**II.3. Tình hình hoạt động các KCN, KCX, khu phi thuế quan, khu TM tự do, khu bảo thuế trong KKT cửa khẩu**

STT	Tên khu	Đầu tư nước ngoài (dự án thứ cấp)					Đầu tư trong nước (dự án thứ cấp)					Diện tích (ha)			Công trình xử lý nước thải tập trung			Lao động (người)				
		Tổng số dự án	Tổng số vốn đầu tư đăng ký (tr.USD)	Số dự án đang SXKD	Số DA đang XD/CB	Tổng số vốn đầu tư thực hiện (tr.USD)	Tổng số dự án	Tổng số vốn đầu tư đăng ký (tr.đồng)	Số dự án đang SXKD	Số DA đang XD/CB	Tổng số vốn đầu tư thực hiện (tỷ đồng)	Đất tự nhiên	Đất công nghiệp có thể cho thuê	Đất công nghiệp đã cho thuê	Tỷ lệ lấp đầy (%)	Tình trạng Chưa XD=0 Đang XD=1 Đang HD=2	Công suất (m3/ngày đêm)	Tổng số	Nam	Nữ	Trong nước	Yếu tố Nước ngoài
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16=15/14	17	18	19	20	21	22	23
1	KCN, KCX, khu phi thuế quan, khu thương mại tự do, khu bảo thuế đã cấp QĐ chủ trương đầu tư/GCNBKDT/GCNĐT/thành lập và đang vận hành																					
	Tổng số khu đã vận hành (I)																					
II	KCN, KCX, khu phi thuế quan, khu thương mại tự do, khu bảo thuế đã cấp QĐ chủ trương đầu tư/GCNBKDT/GCNĐT/thành lập và đang xây dựng cơ bản																					
1	Khu Thương mại cửa khẩu (Khu phi thuế quan)	0	0	0	0	0	1	58,341	0	1	40	5,70	4,740	4,74	100,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0
2	Kho ngoại quan (Kho nhập)	0	0	0	0	0	1	51,56	0	1	0	3,90	3,900	3,9	100,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0
	Tổng số khu đang XD/CB (II)							109,90			40	9,60	8,640	8,64	100,0							
	Tổng số khu (I+II)							109,90	0	2	40	9,60	8,64	8,64	100,00	0,00	0,00	0,0	0,0	0,0	0,0	0

Ghi chú:

\* Chỉ "Việt Nam" nếu chủ đầu tư hạ tầng là doanh nghiệp Việt Nam; ghi tên quốc gia của chủ đầu tư nếu chủ đầu tư 100% vốn nước ngoài; đối với chủ đầu tư là doanh nghiệp liên doanh, ghi "Việt Nam" và tên quốc gia của đối tác nước ngoài.

\*\* Vốn đầu tư của dự án hạ tầng trong KKT; ghi trong phần "triệu USD" nếu là dự án có vốn đầu tư nước ngoài; phần "tỷ đồng" nếu dự án 100% vốn Việt Nam.

\*\*\* Tỷ lệ lấp đầy = diện tích đã cho thuê/diện tích đất CN có thể cho thuê



**II.4. TÌNH HÌNH THU HÚT DỰ ÁN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG KKTCK LỮY KẾ ĐẾN THÁNG 06/2016**  
(không thống kê các dự án tại biểu II.2 và II.3)

Stt	Tên doanh nghiệp	Tên dự án đầu tư sản xuất kinh doanh (*)	Dự án đầu tư nước ngoài			Dự án đầu tư trong nước		Diện tích chiếm đất (ha)	Tình trạng hoạt động Chưa triển khai Đang XD/CB = 1 Đang SX/KD = 2	Lao động (Người)			
			Vốn đầu tư đăng ký (triệu USD)	Vốn đầu tư thực hiện (triệu USD)	Vốn đầu tư đăng ký (tỷ đồng)	Vốn đầu tư thực hiện (tỷ đồng)	Tổng số			Nam	Nữ	Trong nước	Nước ngoài
1		2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
<b>Các doanh nghiệp/Dự án đang hoạt động</b>													
1	CÔNG TY TNHH TÍN NGHĨA	Xây dựng nhà hàng			3,00	3,80	0,05	2					
2	Công ty vật liệu xây dựng và xây lắp thương mại BMC	Nhà máy chế biến gỗ xuất khẩu			10,04	7,22	1,01	2					
3	Công ty Tỉnh bột sắn FOCOCEV (Chuyên nhượng từ Cty vật liệu và xây lắp thương mại BMC)	Khách sạn BMC			50,00	50,00		2					
4	CT CP ĐỊA ỐC THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG THÀNH NGỌC	Nhà máy sx tinh bột sắn			79,20	79,20	35,50	2	95			95	
5	CHINHÀNH DNTN HOANG QUÂN (Chuyên nhượng từ Cty CP Đầu tư và xây dựng SLS9)	Khai thác mỏ đá xây dựng			3,50	3,50	2,50	2	6			6	
6	CT TNHH ĐÔI MƠI	Khai thác mỏ đá xây dựng			3,18	3,18	5,90	2					
7	CÔNG TY TNHH MTV THUẬN LỢI	Khai thác đá lộ thiên			45,00	45,00	10,00	2					
8	HỢP TÁC XÃ VẠN THÀNH	Nhà máy chế biến mù cưa su			50,00	50,00	4,94	2	23			23	
9	Cty TNHH Tân Tân Phú (Công ty TNHH Minh Trung đổi tên)	Khai thác mỏ đá xây dựng thông thường			16,00	16,00	10,00	2					
10	Công ty TNHH MTV Mạnh Cường	Xưởng chế biến gỗ			3,00	3,00	0,84	2	11			11	
11	Công ty 732	Nhà nghỉ- Khách sạn			0,50	0,80	0,17	2					
12	Công ty Cao su Kon Tum	Nhà máy chế biến mù cưa su			80,0	79,70		2	91			91	
13	Công ty XS/KT tỉnh Kon Tum	Nhà máy chế biến mù cưa su			100,0	100,00		2					
14	Công ty xăng dầu Bắc Tây Nguyên	Khách sạn SX/KT 30 phòng			8,0	8,00		2					
15	Doanh nghiệp tư nhân Hương Sơn	Cây xăng dầu			2,5	2,50	1,40	2					
16	Bưu điện tỉnh Kon Tum	Cây xăng dầu			2,0	2,00		2					
17	T.T Viễn thông Điện lực Tây Nguyên (EVN)	Cây xăng dầu			3,0	3,00		2					
18	Công ty viễn thông Viettel ( 76B Nguyễn Đình Chiểu, TP Kon Tum)	Cây xăng dầu			3,0	3,00		2					
19	Công ty cp Việt Lào	Bưu điện					0,25	2					
20	Công ty TNHH MTV Hải Dương Bờ Y	Trạm phát sóng					0,25	2					
		Trạm phát sóng						2					
		Khai thác khoáng sản			1,5	5,0	1,7	2	13			13	
		Kinh doanh hàng miễn thuế			5,0	0,5	0,0	2	3			3	



21	Công ty TNHH MTV Thiên Chi Kon Tum (40 Lê Hồng Phong, KT 0167 417 1000)	Xây dựng xưởng chế biến lâm sản					20,99	13,00	17,4	2	15		15				
22	Cy TNHH Nhân Thành - 10B (chuyến nương từ Cy Nhân Thành Bờ Y)	Xây dựng kho ngoại quan (kho xuất)					5,83	5,00	1,1	2	5		5				
23	Công ty Nhân Thành Lộc Phát (Nhân chuyên nương từ Cy CP Nhân Thành Bờ Y)	Cửa hàng xăng dầu					3,47		0,3	2	8		8				
24	Viên thông Kon Tum (72 Lê Hồng Hồng Phương, Tp Kon Tum, 0603 862613)	Đại viên thông CKBY					2,0		2,3	2							
<b>24 Doanh nghiệp</b>											<b>500,7</b>	<b>483,4</b>	<b>95,7</b>	<b>270</b>	<b>-</b>	<b>270</b>	
<b>II Các doanh nghiệp/Dự án đang triển khai thực hiện</b>																	
1	CT CP Khoáng sản Sài Gòn Bờ Y	Khai thác mỏ đá xây dựng					35,4	14,3									
2	Công ty 5159	Nhà xưởng BTLT					-										
3	C. ty Cổ phần Đắk RiPen (đường Phạm Hồng Thái, Khối 5, Thị trấn Đắk Tô, tỉnh Kon Tum)	Khách sạn và các công trình phụ trợ					38,6	3,3									
4	Lê Thị Hồng Khuyên (Thôn Lạc, xã Bờ Y, Ngọc Hồi, Kon Tum 0953966869)	Siêu thị MINI					14,9	5,0									
5	Công ty TNHH MTV Kinh doanh XNK Hoàng Anh Gia Lai (đc: Số 15, Trường Chinh, TP Pleiku, Tỉnh Gia Lai, ĐT: 0963147691)	Kho chứa hàng					50,0	1,5									
6	Cy CP Dương Minh Châu (09 Hoàng Hoa Thám, Q. Ba Đình, HN)	Khách sạn và dịch vụ					123,4	8,9									
7	Cy TNHH MTV Tân Tân Phú KT (59 - Hai Bà Trưng - Phố Kênh - Ngọc Hồi)	Nhà hàng, khách sạn kết hợp công viên nước					52,63										
8	CÔNG TY TNHH MTV XUẤT NHẬP KHẨU QUỐC ĐẠT	Trung tâm dạy nghề cho người khuyết tật, nạn nhân chất độc màu da cam và trẻ em lang thang cơ nhỡ Quốc Đạt					250	8									
9	Công ty TNHH Hải Dương Bờ Y	Kinh doanh D					5,4	0,5									
<b>9 Doanh nghiệp</b>											<b>570,3</b>	<b>41,5</b>	<b>-</b>	<b>270</b>	<b>-</b>	<b>270</b>	
<b>III Doanh nghiệp/Dự án đã được giới thiệu địa điểm</b>																	
1	DNTN Xuân Trình (284 Trường Chinh, P. Dục Tân, Tp Kon Tum)	Khách sạn, Nhà hàng					20										

2	DNTN Giảng Nam (232-Trường Chinh-Duy Tân-Kon Tum, 0933.850224)	Khách sạn, Nhà hàng				2	0		
3	Cty TNHH MTV Thiên Chú Kon Tum Khu II, Khu kinh tế	Khách sạn, Nhà hàng			56				
4	Cty TNHH Minh Ngọc Bờ Y Khu II, KKT CKQTBY, xã Bờ Y, Ngọc Hội, Tỉnh Kon Tum	Đầu tư xây dựng nhà xưởng chế biến nông lâm sản			2,5	3,5			
5	Cty TNHH MTV Mạnh Cường (Tổ dân phố 4, TT Pleikán, huyện Ngọc Hội, tỉnh Kon Tum)	Đầu tư xây dựng nhà xưởng chế biến nông lâm khoáng sản			9,88				
6	Công ty TNHH MTV Tuấn Sỹ	Xưởng sản xuất chế biến gỗ			10	2			
7	Công ty TNHH TM & VT Văn Quân (116 Hai Bà Trưng, Pleikan, Kon Tum 0968582237)	Xưởng sản xuất các mặt hàng thủ công mỹ nghệ			-				
8	Công ty cổ phần Nhân Thành Bờ Y	Dịch vụ ăn uống, siêu thị, nhà nghỉ, nhà bảo dưỡng xe							
	<b>8 Doanh nghiệp</b>	<b>8 dự án</b>			<b>100,5</b>	<b>5,5</b>			
	<b>TỔNG CỘNG: 41 D. nghiệp</b>	<b>44 dự án</b>			<b>1.172</b>	<b>530</b>	<b>96</b>		
					-	-	270	-	270

**Ghi chú: (\*) Chỉ thông kê các dự án đầu tư sản xuất kinh doanh độc lập (không tính dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật và xã hội tron**

(I) 27 DA đang hoạt động

(II) 9 DA đang triển khai hoạt động

(III) 8 DA đã được giới thiệu địa điểm



Tỉnh, TP: BQL khu kinh tế tỉnh Kon Tum

**Biểu II.5**

**Cơ cấu đầu tư vào KKT cửa khẩu lũy kế đến 6/2016 theo đối tác**



STT	6 tháng đầu năm 2016			Lũy kế đến tháng 6/2016	
	Số dự án đầu tư	Tổng vốn đầu tư đăng ký	Số dự án đầu tư	Tổng vốn đầu tư đăng ký	
1	2		3	4	
<b>Tổng</b>					

Tỉnh, TP: BQL khu kinh tế tỉnh Kon Tum

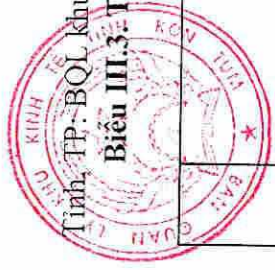
Biểu III.2: Tình hình điều chỉnh QĐ chủ trương đầu tư/GCNDKĐT/GCNDT về vốn và ngành nghề tại các KCN, KKT cửa khẩu 6 tháng đầu năm 2016

Điều chỉnh dự án đầu tư nước ngoài

Số TT	Tên doanh nghiệp/dự án	Số QĐ chủ trương đầu tư/GCNDKĐT/GCNDT	Ngày cấp	Vốn điều lệ bổ sung (USD)	Vốn đầu tư bổ sung (USD)	Ngành nghề	KCN/ KKT	Nhà đầu tư	Diện tích tăng thêm (m <sup>2</sup> )

Điều chỉnh dự án đầu tư trong nước

Số TT	Tên doanh nghiệp/dự án	Số QĐ chủ trương đầu tư/GCNDKĐT/GCNDT	Ngày cấp	Vốn điều lệ bổ sung (Triệu đồng)	Vốn đầu tư bổ sung (Triệu đồng)	Ngành nghề	KCN/ KKT	Nhà đầu tư	Diện tích tăng thêm (m <sup>2</sup> )



Tỉnh, TP: BQL khu kinh tế tỉnh Kon Tum

**Biểu III.3: Tình hình giải thể, thu hồi giấy chứng nhận đầu tư trong KCN, KKT cửa khẩu 6 tháng đầu năm 2016**

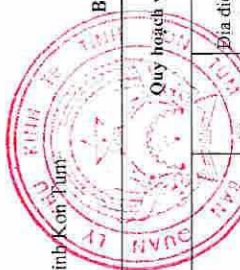
STT	Tên dự án	Tên KCN/KCX/KKT	QE chủ trương đầu tư/GCNDKĐT/GCNDT (đã cấp và thu hồi)				Quyết định/thông báo thu hồi QE chủ trương đầu tư/GCNDKĐT/GCNDT	
			Số	Ngày cấp	Tổng vốn đầu tư đăng ký Tr. USD *	Tỷ đồng **	Số QE	Ngày QE
1	2	3	4	5	6	7	8	9
<b>I</b>	<b>Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN, KKT</b>							
<b>II</b>	<b>Dự án đầu tư sản xuất kinh doanh trong KCN, KKT</b>							

**Ghi chú:**

\* áp dụng đối với dự án có vốn đầu tư nước ngoài

\*\* áp dụng đối với dự án trong nước

Tỉnh, TP: BQL khu kinh tế tỉnh Kon Tum:



**Biểu III.4. Quy hoạch và thực hiện xây dựng nhà ở và các công trình phúc lợi xã hội phục vụ KCN, KKT**

STT	Tên KCN, KKT	Quy hoạch và thực hiện xây dựng nhà ở phục vụ KCN, KKT						Quy hoạch và thực hiện xây dựng các công trình phúc lợi xã hội phục vụ KCN, KKT									
		Tên dự án (*)	Địa điểm (xã, phường, huyện/ quận)	Diện tích sàn xây dựng quy hoạch đến năm 2020 (quy mô xây dựng m2 sàn)	Diện tích sàn đã xây dựng 6/2016 (quy mô xây dựng m2 sàn)	Năng lực thiết kế khu nhà ở đã xây dựng (số người ở)	Tên công trình (*)	Phạm vi phục vụ	Địa điểm (xã, phường, huyện/ quận)	Diện tích sàn xây dựng quy hoạch đến năm 2020 (quy mô xây dựng m2 sàn)	Diện tích sàn đã xây dựng tính đến tháng 6/2016 (quy mô xây dựng m2 sàn)	Năng lực thiết kế của công trình đã xây dựng (số người được phục vụ)					
1	2																
I	<b>Khu công nghiệp Hòa Bình</b>				0	0				0	0				0	0	0
II	<b>Khu kinh tế cửa khẩu Quốc tế Bờ Y</b>					0				0	0				0	0	0
	<b>Tổng</b>					<b>0</b>				<b>0</b>	<b>0</b>			<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

**Ghi chú:**

\* Ghi cụ thể tên và loại dự án/công trình. Trường hợp một dự án/công trình phục vụ chung cho một số KCN thì ghi cụ thể tên của các KCN mà dự án/công trình đó phục vụ.

\*\* Các công trình phúc lợi xã hội bao gồm: các công trình văn hóa (nhà/cung/trung tâm), thể thao (nhà/cung/trung tâm), thư viện, giáo dục (trường mẫu giáo/trường tiểu học, trường trung học cơ sở), y tế (trạm y tế/phòng khám)



Tỉnh, TP: BQL Khu kinh tế tỉnh Kon Tum

Tên KCN, KKT	Quy hoạch và thực hiện xây dựng nhà ở phục vụ KCN, KKT			Năng lực thiết kế khu nhà ở đã xây dựng (số người ở)
	Địa điểm (xã, phường, huyện/quận)	Diện tích sàn xây dựng quy hoạch đến năm 2020 (m2)	Diện tích sàn đã xây dựng tính đến tháng 6/2016 (m2)	
KCN Hòa Bình				0
KKT cửa khẩu quốc tế Bờ Y				0